

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2021/DS-ST
Ngày: 21 – 6 – 2021
V/v tranh chấp về kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh.
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2021/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 277, 3, tổ 33, khóm 3, phường AA, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- Bị đơn:

Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1968. Có mặt.

Bà Hồ Thị T, sinh năm 1972. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số 38, khóm 1, thị trấn 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ông Nguyễn Văn N trình bày:*

Trước đây (không nhớ thời gian nào), cá nhân Ông Nguyễn Thành S có đến nhà Ông Nguyễn Văn N để vay tiền của Ông N nhiều lần, mỗi lần bao nhiêu tiền không rõ. Tổng cộng, Ông S còn nợ Ông N số tiền là 170.000.000 đồng, Ông S có

viết biên nhận nợ số tiền 170.000.000 đồng cho Ông N. Trong quá trình trả nợ vay cho Ông N thì Bà Hồ Thị T – là vợ của Ông S có trả tiền cho Ông N nhiều lần, Ông S chỉ có trả tiền cho Ông N một lần. Sau khi, Ông S và Bà T đã trả đủ cho Ông N số tiền 170.000.000 đồng, Ông N có tính toán lại số tiền lãi vay vợ chồng Ông S và Bà T còn nợ Ông N là 63.700.000 đồng, lãi được tính theo mức 1,5%/tháng. Ông S và Bà T kêu Ông N bớt tiền lãi, Ông N thống nhất và bớt tiền lãi cho Ông S và Bà T với số tiền là 13.700.000 đồng, như vậy Ông S và Bà T còn nợ tiền lãi là 50.000.000 đồng (bớt 13.700.000 đồng tiền lãi để còn lại 50.000.000 đồng tiền lãi cho chẵn). Tại thời điểm này, Ông S có trả cho Ông N được số tiền 4.000.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 46.000.000 đồng tiền lãi, nên Ông S và Bà T mới làm biên nhận nợ còn nợ Ông N số tiền 46.000.000 đồng vào ngày 06/8/2020.

Biên nhận ngày 06/8/2020 mà Ông N cung cấp cho Tòa án, do Ông S viết, Ông S và vợ là Hồ Thị Thích có thống nhất ký tên, ghi họ tên vào biên nhận tại nhà Ông N. Tại thời điểm viết biên nhận, thì Ông S và Bà T có thỏa thuận với Ông N là 03 tháng sau sẽ trả hết số tiền 46.000.000 đồng, nhưng đến nay không trả.

Ông N không có cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc trước đây Ông N cho Ông S và Bà T vay số tiền gốc mỗi lần bao nhiêu, cho vay số tiền gốc vào thời gian nào. Do sau khi tính toán số tiền gốc và lãi Ông S và Bà T còn nợ Ông N xong, thì Ông N đã trả biên nhận gốc lại cho Ông S và Bà T. Ông N chỉ xác định số tiền 46.000.000 đồng Ông S và Bà T còn nợ Ông N theo biên nhận ngày 06/8/2020 là tiền lãi mà Ông S và Bà T nợ Ông N trước đây.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T liên đới trả cho Ông N số tiền 46.000.000 đồng và trả lãi cho Ông N đối với số tiền còn nợ là 46.000.000 đồng từ ngày 07/11/2020 đến ngày Tòa án ra bản án hoặc quyết định với mức lãi suất là 10%/năm.

Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Tòa án buộc Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T liên đới trả cho Ông N số tiền lãi còn nợ là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng), không yêu cầu trả lãi đối với số tiền còn nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Ông Nguyễn Thành S trình bày:*

Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T là vợ chồng.

Trước đây (không nhớ thời gian nào), cá nhân Ông S có vay tiền của Ông Nguyễn Văn N nhiều lần, mỗi lần vay khoảng 30 đến 40 triệu đồng để làm ăn. Sau đó, Ông S và Ông N tính toán lại tiền gốc và lãi Ông S còn nợ Ông N là 170.000.000 đồng, Ông S không xác định trong đó số tiền gốc là bao nhiêu và số tiền lãi là bao nhiêu, Ông N kêu Ông S trả hết 170.000.000 đồng thì không tính lãi nữa. Sau khi, Ông S đã trả đủ cho Ông N 170.000.000 đồng, thì Ông N tính toán lại nói là Ông S còn nợ tiền lãi 63.700.000 đồng, kêu Ông S trả thêm. Ông S đã trả được 17.700.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại 46.000.000 đồng. Ông N mới kêu Ông S và vợ Ông S là Bà Hồ Thị T viết biên nhận nợ.

Ngày 06/8/2020, Ông S có viết biên nhận nội dung:

“Biên nhận

Tôi tên Nguyễn Thành Sơn vợ Hồ Thị Thích có mượn anh Ne với số tiền 46.000.000 (Bốn mươi sáu triệu đồng) thời gian trả là 3 tháng

Thị trấn ngày 6 tháng 8 năm 2020”

Phía dưới dòng chữ người nhận Ông S và Bà T có ký tên, ghi họ tên.

Ông Nguyễn Thành S thống nhất liên đới với Bà Hồ Thị T trả cho Ông Nguyễn Văn N số tiền lãi còn nợ là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng). Ông Nguyễn Thành S yêu cầu Ông Nguyễn Văn N cho ông và Bà Hồ Thị T được trả dần theo từng mùa vụ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Bà Hồ Thị T trình bày:*

Bà Hồ Thị T và Ông Nguyễn Thành S là vợ chồng.

Bà Hồ Thị T thống nhất lời trình bày của Ông Nguyễn Thành S như nêu trên.

Bà Hồ Thị T thống nhất liên đới với Ông Nguyễn Thành S trả cho Ông Nguyễn Văn N số tiền lãi còn nợ là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng). Bà Hồ Thị T yêu cầu Ông Nguyễn Văn N cho bà và Ông Nguyễn Thành S được trả dần theo từng mùa vụ.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn N.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 của Ông Nguyễn Văn N (bản chính).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Ông Nguyễn Văn N (bản sao có chứng thực).
- Biên nhận ngày 06/8/2020 (bản gốc).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai của Ông Nguyễn Thành S và Ông Nguyễn Văn N ngày 12/4/2021 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2021 của Ông Nguyễn Văn N yêu cầu Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T trả số tiền vay là 46.000.000 đồng và trả lãi với mức 20%/năm; trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định số tiền 46.000.000 đồng là tiền nợ lãi của số tiền vay trước đây Ông S vay của Ông N, Ông N khởi kiện yêu cầu Ông S và Bà T liên đới trả số tiền lãi còn nợ là 46.000.000 đồng, nên quan hệ pháp luật đang tranh chấp, không phải là tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản mà là tranh chấp về dân sự kiện đòi tài sản; theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T cư trú tại khóm 1, thị trấn 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ông N là có căn cứ chấp nhận bởi vì việc Ông S và Bà T nợ Ông N số tiền 46.000.000 đồng được thể hiện tại biên nhận ngày 06/8/2020; tại phiên tòa, Ông S và Bà T đều thừa nhận còn nợ Ông N số tiền 46.000.000 đồng và thống nhất liên đới trả cho Ông N số tiền này. Ngoài ra, Ông S và Bà T là vợ chồng, nên ông bà phải chịu trách nhiệm về nghĩa vụ chung từ giao dịch do vợ chồng cùng xác lập theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông N buộc Ông S và Bà T liên đới trả số tiền này là phù hợp.

[2.2] Xét yêu cầu của Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T được trả dần số tiền 46.000.000 đồng còn nợ Ông Nguyễn Văn N theo từng mùa vụ. Tại phiên tòa, Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T yêu cầu được trả dần số tiền 46.000.000 đồng còn nợ Ông Nguyễn Văn N theo từng mùa vụ, nhưng Ông Nguyễn Văn N không đồng ý. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T là phù hợp.

[3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ông N, nên Ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên Ông S và Bà T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn N.

Buộc Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T liên đới trả cho Ông Nguyễn Văn N số tiền lãi còn nợ là 46.000.000 đồng (bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc Ông Nguyễn Thành S và Bà Hồ Thị T liên đới chịu số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu, ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Ông Nguyễn Văn N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.150.000 đồng (một triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BI/2019/0011140 ngày 09/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến